



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
MÔN

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

lớp 3



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ THU HẰNG

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
môn
TỰ NHIÊN
VÀ XÃ HỘI
(Tài liệu lưu hành nội bộ) **lớp 3**

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



Danh mục chữ viết tắt

GDPT	Giáo dục phổ thông
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
SGK	Sách giáo khoa
SGV	Sách giáo viên

LỜI NÓI ĐẦU

Nhằm giúp cho các giáo viên tiểu học hiểu rõ những nội dung cơ bản của Chương trình giáo dục phổ thông ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tổ chức hoạt động dạy học theo sách giáo khoa Tự nhiên và Xã hội 3 hiệu quả, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã tổ chức biên soạn ***Tài liệu bồi dưỡng giáo viên môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 – Bộ sách Chân trời sáng tạo.***

Cuốn tài liệu được cấu trúc gồm hai phần:

Phần thứ nhất. Những vấn đề chung: Hướng dẫn chung về sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3. Nội dung phần này tập trung giới thiệu về sách giáo khoa Tự nhiên và Xã hội 3; về cấu trúc sách và cấu trúc chủ đề trong sách giáo khoa; về phương pháp tổ chức hoạt động; về phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; về cách sử dụng hiệu quả sách giáo viên Tự nhiên và Xã hội 3 cũng như giới thiệu về sách hỗ trợ cho môn học; về khai thác thiết bị và học liệu trong tổ chức hoạt động cũng như cách khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên sách và các học liệu điện tử của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Phần thứ hai. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy môn tự nhiên và xã hội 3: Hướng dẫn tổ chức dạy học các dạng bài trong môn Tự nhiên và Xã hội 3. Nội dung phần này chủ yếu gợi ý, hướng dẫn cho giáo viên cách tổ chức dạy học các dạng bài trong sách giáo khoa Tự nhiên và Xã hội 3, bao gồm: dạy học bài hình thành kiến thức mới, dạy học bài thực hành, trải nghiệm thực tiễn và dạy học bài ôn tập.

Tài liệu bồi dưỡng giáo viên môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 – Bộ sách Chân trời sáng tạo được biên soạn theo Chương trình giáo dục phổ thông mới và trên cơ sở kế thừa, phát triển những thành tựu đổi mới về phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động theo định hướng phát triển năng lực. Do đó, tác giả hi vọng đây sẽ là tài liệu hữu ích, thiết thực cho các giáo viên khi triển khai đồng bộ, đại trà chương trình và sách giáo khoa Tự nhiên và Xã hội 3. Đồng thời, tài liệu cũng được biên soạn theo hướng mở nhằm giúp giáo viên có thể chủ động, linh hoạt trong tổ chức các hoạt động phù hợp với điều kiện của các địa phương và năng lực thực tế của học sinh trên mọi vùng miền đất nước.

Tác giả rất mong nhận được ý kiến góp ý của quý thầy cô giáo và độc giả để tài liệu được hoàn thiện hơn.

Trân trọng cảm ơn!

TÁC GIẢ

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Khái quát về Chương trình môn Tự nhiên và xã hội.....	5
1.1. Đặc điểm của môn Tự nhiên và Xã hội.....	5
1.2. Nội dung và yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3	5
1.3. Phương pháp dạy học.....	6
1.4. Đánh giá kết quả học tập môn học.....	6
2. Giới thiệu sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội 3.....	7
2.1. Quan điểm biên soạn	7
2.2. Những điểm mới của sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội 3	8
2.3. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học môn Tự nhiên và Xã hội 3	9
2.3.1. Ma trận nội dung và yêu cầu cần đạt.....	9
2.3.2. Cấu trúc một chủ đề.....	16
2.3.3. Cấu trúc một bài học	16
2.4. Phân tích một số bài học đặc trưng	17
2.4.1. Bài học hình thành kiến thức mới.....	17
2.4.2. Bài học thực hành, trải nghiệm thực tiễn.....	19
2.4.3. Bài Ôn tập chủ đề.....	20
2.5. Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3.....	21
3. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3.....	23
3.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3	23
3.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3	24
4. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Tự nhiên và Xã hội 3.....	25
4.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất.....	25
4.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh trong môn Tự nhiên và Xã hội 3	26
5. Hướng dẫn sử dụng, khai thác tài liệu bổ trợ, nguồn tài nguyên, học liệu điện tử.....	28
5.1. Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên môn Tự nhiên và Xã hội 3	28
5.1.1. Cấu trúc sách giáo viên	28
5.1.2. Sử dụng sách giáo viên hiệu quả	29
5.2. Hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, sách tham khảo.....	30
5.3. Hướng dẫn sử dụng, khai thác nguồn tài nguyên, học liệu điện tử của NXBGDVN.....	30

PHẦN THỨ HAI: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3

1. Quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy.....	31
2. Hướng dẫn dạy học các dạng bài.....	31
2.1. Dạng bài hình thành kiến thức mới	31
2.1.1. Hướng dẫn dạy học bài hình thành kiến thức mới.....	31
2.1.2. Bài soạn minh hoạ	33
2.2. Dạng bài thực hành, trải nghiệm thực tiễn.....	37
2.2.1. Hướng dẫn dạy bài thực hành, trải nghiệm thực tiễn	37
2.2.2. Bài soạn minh hoạ	37
2.3. Dạng bài ôn tập.....	40
2.3.1. Hướng dẫn dạy bài ôn tập.....	40
2.3.2. Bài soạn minh hoạ	41

PHẦN THỨ NHẤT

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

1.1. Đặc điểm của môn Tự nhiên và Xã hội

Trong Chương trình giáo dục phổ thông, môn Tự nhiên và Xã hội được dạy từ lớp 1 đến lớp 3 ở cấp Tiểu học và là môn học bắt buộc. Môn học được dạy trong 35 tuần, mỗi tuần 2 tiết với tổng số là 70 tiết trong một năm học ở mỗi lớp. Chương trình Tự nhiên và Xã hội bao gồm 6 chủ đề: Gia đình, Trường học, Cộng đồng địa phương, Thực vật và động vật, Con người và sức khỏe, Trái Đất và bầu trời. Chương trình được xây dựng quán triệt từ ba quan điểm cơ bản là: dạy học tích hợp, dạy học theo chủ đề và tích cực hoá hoạt động của học sinh.

Môn Tự nhiên và Xã hội được xây dựng và phát triển trên nền tảng tích hợp những kiến thức về thế giới tự nhiên và xã hội. Môn học trang bị cho học sinh một số hiểu biết cơ bản ban đầu về con người, về các sự vật, hiện tượng, về các mối quan hệ trong thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh và những kĩ năng học tập cơ bản như quan sát, nhận xét, nêu thắc mắc, đặt câu hỏi, tìm thông tin, xử lí thông tin và trình bày những ý tưởng khoa học đơn giản bằng nhiều hình thức khác nhau (nói, viết, vẽ, biểu đồ,...). Cùng với các môn học, hoạt động giáo dục khác, môn Tự nhiên và Xã hội đóng góp một phần quan trọng vào việc hình thành cho học sinh những phẩm chất và năng lực chung được quy định trong chương trình GDPT và bước đầu hình thành cho học sinh năng lực khoa học. Trong Chương trình các môn học ở cấp Tiểu học, môn Tự nhiên và Xã hội có mối quan hệ mật thiết với môn Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm, Tiếng Việt, Toán,...

1.2. Nội dung và yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3

Bên cạnh việc hình thành, phát triển ở học sinh phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể. Môn Tự nhiên và Xã hội hình thành và phát triển ở học sinh năng lực khoa học, bao gồm các thành phần: nhận thức khoa học, tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Đối với lớp 3, Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội được nhấn mạnh xoay quanh 6 chủ đề được xây dựng và phát triển đồng tâm từ môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 và lớp 2 bao gồm: Gia Đình, Trường học, Cộng đồng địa phương, Thực vật và động vật, Con người và sức khỏe, Trái Đất và bầu trời. So với chương trình hiện hành, chương trình Tự nhiên và Xã hội lớp 3 tinh giản một số nội dung khó hoặc sẽ được học ở ngay các lớp đầu của cấp Trung học cơ sở, đồng thời cập nhật hoặc đưa vào một số nội dung mới thiết thực với học sinh.



– Những nội dung đã tinh giảm: không dạy các nội dung về đơn vị hành chính (làng, xã/phường; huyện/quận; tỉnh/thành phố) và các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế, nông nghiệp, công nghiệp,... ở tỉnh/thành phố; giảm bớt một số nội dung kiến thức trong chủ đề Trái Đất và bầu trời; giảm tải một số yêu cầu về cơ chế hoạt động của các cơ quan bên trong cơ thể; tinh giản, điều chỉnh một số yêu cầu cần đạt về an toàn để tránh trùng lặp với môn Đạo đức.

– Những nội dung mới được đưa vào nhằm tạo cơ hội cho học sinh tìm tòi khám phá môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh đồng thời làm tăng tính cập nhật, thực tiễn và ứng dụng của những kiến thức cơ bản cốt lõi trong chương trình môn học. Dưới đây là những mạch nội dung mới trong từng chủ đề của chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3:

+ Chủ đề Gia đình: Ngày kỉ niệm, sự kiện đáng nhớ của gia đình (tích hợp giáo dục lịch sử gia đình).

+ Chủ đề Trường học: Hoạt động kết nối với xã hội của trường học; Truyền thống của nhà trường (tích hợp giáo dục lịch sử nhà trường); An toàn ở trường hoặc khu vực xung quanh trường thông qua các hoạt động trải nghiệm khảo sát để đánh giá sự an toàn ở trường hoặc khu vực xung quanh trường của học sinh.

+ Chủ đề Cộng đồng địa phương: Một số hoạt động sản xuất của địa phương; Di tích văn hoá, lịch sử và cảnh quan thiên nhiên (tích hợp giáo dục lịch sử địa phương).

+ Chủ đề Thực vật và động vật: Sử dụng hợp lí thực vật và động vật.

+ Chủ đề Con người và sức khoẻ: Chăm sóc, bảo vệ các cơ quan bên trong cơ thể (tiêu hoá; tuần hoàn; thần kinh) thông qua ăn uống, vận động; thực hành thu thập thông tin về các chất và hoạt động có hại cho các cơ quan.

+ Chủ đề Trái Đất và bầu trời: Một số đặc điểm của Trái Đất (bổ sung nội dung mới: Nhận biết được một vài hoạt động tiêu biểu của con người ở từng đới khí hậu).

1.3. Phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học môn Tự nhiên và Xã hội được thực hiện theo các định hướng chung nêu tại Chương trình tổng thể, hướng đến phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, đặc biệt là năng lực khoa học. Giáo viên cần lựa chọn, phối hợp, vận dụng các phương pháp giáo dục một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp. Các phương pháp, kĩ thuật và hình thức tổ chức dạy học thường được sử dụng trong môn Tự nhiên và Xã hội là: quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi học tập, đóng vai, động não, sơ đồ tư duy, tham quan,...

1.4. Đánh giá kết quả học tập môn học

– Nội dung đánh giá bao gồm đánh giá về kiến thức, kĩ năng đồng thời tăng cường đánh giá thái độ của học sinh trong học tập; chú trọng đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng trong học tập môn học.

– Kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; giữa đánh giá định tính và định lượng; giữa đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của học sinh, đánh giá của cha mẹ học sinh và đánh giá của cộng đồng.

– Sử dụng đa dạng các phương pháp, công cụ đánh giá khác nhau như đánh giá thông qua trả lời miệng, bài viết; đánh giá thông qua quan sát; đánh giá qua các sản phẩm thực hành của học sinh;...

2. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3

2.1. Quan điểm biên soạn

a. Đảm bảo sự phù hợp với mục tiêu giáo dục tiểu học và chương trình môn học

Sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội nói chung và ở lớp 3 nói riêng được biên soạn theo định hướng góp phần hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung quy định trong Chương trình tổng thể. Đồng thời, đáp ứng các yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn học như: năng lực Nhận thức khoa học, năng lực Tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh và năng lực Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Bên cạnh đó, thông qua các hoạt động học tập, sách góp phần hình thành và phát triển ở HS tiểu học tình yêu con người, thiên nhiên, đức tính chăm chỉ; ý thức bảo vệ sức khoẻ của bản thân, gia đình, cộng đồng; ý thức tiết kiệm, giữ gìn, bảo vệ tài sản; tinh thần trách nhiệm với môi trường sống.

b. Chú trọng quan điểm dạy học tích hợp, hướng đến trải nghiệm cao

Tiếp cận quan điểm dạy học tích hợp, SGK Tự nhiên và Xã hội 3 được xây dựng theo cấu trúc chủ đề. Nội dung các chủ đề xoay quanh mối quan hệ giữa Tự nhiên – Con người – Xã hội trong một thể thống nhất, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó con người là trung tâm của các mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội. Cấu trúc này tạo điều kiện thuận lợi để người học có nhiều cơ hội hơn trong việc vận dụng, gắn kết kiến thức bài học với thực tiễn, nâng cao năng lực giải quyết vấn đề.

Bên cạnh đó, sách còn chú trọng khai thác mối quan hệ tích hợp liên môn giữa chương trình môn Tự nhiên và Xã hội với các môn học khác, đặc biệt là môn Tiếng Việt, Nghệ thuật và Hoạt động trải nghiệm. Mối quan hệ này được thể hiện thông qua sự phối hợp giữa nội dung và gợi ý thể hiện cách thức tham gia và thực hiện các hoạt động học tập của người học.

c. Nhấn mạnh đến quan điểm lấy người học làm trung tâm, chú trọng phát triển phẩm chất và năng lực cho người học

Các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm được tiếp cận và khai thác tối đa thông qua nội dung các bài học của sách. Bên cạnh đó, để góp phần hình thành và phát triển năng lực cho người học, các bài học trong sách tiếp cận tối đa quá trình gắn kiến thức, kĩ năng khoa học của môn học vào thực tiễn.

Các nhóm năng lực chung: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo cũng được định hướng và phát triển thông qua những gợi ý về nội dung và cách thức tổ chức dạy học trong sách. Những gợi ý này được thể hiện dưới nhiều hình thức trình bày hấp dẫn thông qua các sơ đồ, tranh ảnh mô tả, hướng dẫn và gợi ý hoạt động học tập của HS. Đặc biệt, các nhóm năng lực đặc thù của môn Tự nhiên và Xã hội cũng được khai thác và phát triển tối đa qua việc thể hiện cấu trúc và tổ chức các hoạt động học tập gắn với các biểu hiện đặc thù của môn học; người học được tạo cơ hội tối đa để phát triển, đặc biệt là năng lực tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề.



d. Đảm bảo tính thực tiễn

Trong lịch sử phát triển của môn Tự nhiên và Xã hội, tính gần gũi và gắn bó với cuộc sống hằng ngày là một trong các đặc điểm cơ bản được nhấn mạnh. Chính vì thế, khi biên soạn SGK môn *Tự nhiên và Xã hội* thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo*, tính thực tiễn được phát huy tối đa qua việc tìm kiếm ngữ liệu, nhân vật và thể hiện nội dung bài học.

Thông qua các câu chuyện của một số nhân vật đang học lớp 3 xảy ra trong mối quan hệ của HS với gia đình, nhà trường, cộng đồng và môi trường tự nhiên, sách mang đến cho HS cách tiếp nhận tri thức khoa học nhẹ nhàng. Một vài nhân vật đi xuyên suốt trong cả cuốn sách tạo không gian thân quen, gần gũi và tạo sự thích thú cho HS. Qua đó, người học có cơ hội phát triển năng lực tìm hiểu, khám phá thế giới tự nhiên và nâng cao năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng được học để giải quyết các vấn đề gắn với các tình huống quen thuộc của thực tiễn.

e. Đảm bảo tính đa dạng, phù hợp với học sinh ở các vùng miền khác nhau

Dù sinh hoạt của mỗi HS thường gắn với một không gian địa lí nhất định theo vùng, miền, lãnh thổ nhưng theo thời gian thì không gian học tập và các mối quan hệ của HS cũng được phát triển và mở rộng lên. Do đó, bên cạnh việc nhấn mạnh đến những yếu tố đặc trưng tiêu biểu của từng địa phương, vùng miền, SGK Tự nhiên và Xã hội còn đảm bảo hướng đến tính đa dạng. Sách giúp HS có cách tiếp cận mở đến các vùng, miền văn hoá khác nhau qua các bài học, đặc biệt là trong chủ đề về trường học và cộng đồng địa phương.

f. Chú trọng tính mở, linh hoạt cho người dạy và người học

Nội dung sách được biên soạn theo hướng mở, tạo điều kiện thuận lợi cho người dạy và người học có thể cập nhật, bổ sung nội dung dạy học hoặc sử dụng các phương tiện dạy học phù hợp với thực tiễn, tận dụng các điều kiện thuận lợi, phù hợp của từng trường.

Mỗi bài học định hướng chung được dạy trong một, hai, ba hoặc bốn tiết. Tuy nhiên, không quy định rõ ràng, phân chia từng tiết. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên về việc linh hoạt tiến độ thực hiện bài học theo năng lực HS và điều kiện cụ thể của HS.

2.2. Những điểm mới của sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội 3

a. Sách được biên soạn theo mô hình hoạt động học và định hướng phát triển năng lực

Mỗi bài học trong SGK được trình bày theo logic tiến trình hoạt động học, đi từ khởi động, khám phá để hình thành năng lực, nhận thức, tìm hiểu khoa học đến năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học. Tiến trình học tập này không chỉ phù hợp với quy luật nhận thức chung mà còn gắn nội dung bài học với việc vận dụng, giải quyết vấn đề thực tiễn có liên quan. Đặc biệt, HS được tiếp cận nội dung bài học thông qua các hoạt động học tập gắn liền với các năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội, giúp HS hình thành và phát triển năng lực đặc thù một cách rõ ràng, cụ thể thông qua nội dung học tập, đồng thời, giúp GV dễ dàng nhận xét và đánh giá sự phát triển năng lực đặc thù của HS.

Bên cạnh đó, mỗi hoạt động trong SGK không chỉ có vai trò hướng dẫn, gợi ý HS thực hiện các hoạt động học tập mà còn gợi ý cho GV về việc tổ chức các hoạt động dạy học thông qua kênh chữ và kênh hình. Trong đó, nhiều bài học có sự kết hợp giữa kênh hình và kênh chữ thông qua bóng nói, bóng nghĩ nhằm thu hút, hấp dẫn HS (giúp sách có cách thể hiện giống truyện tranh, tạo sự thân thiết, gần gũi với HS tiểu học); đồng thời dẫn dắt, tạo sự tò mò, kích thích HS tư duy, khám phá; giúp sách tiếp cận thực tiễn và đi vào thực tiễn.

b. Cấu trúc và nội dung bài học được biên soạn theo hướng tích hợp

Trong hệ thống các môn học ở tiểu học theo Chương trình GDPT mới, môn Tự nhiên và Xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với môn Tiếng Việt, môn Đạo đức và Hoạt động trải nghiệm. Phát triển mối quan hệ này, SGK môn Tự nhiên và Xã hội tăng cường tính tích hợp liên môn với môn Đạo đức và môn Tiếng Việt, thể hiện ngay trong cấu trúc và nội dung các bài học. Cuối mỗi bài học trong SGK Tự nhiên và Xã hội trước đây là một nội dung kiến thức khoa học trọng tâm mà HS cần biết và nhớ, thì trong SGK môn *Tự nhiên và Xã hội* thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo*, HS không chỉ được nhấn mạnh và hệ thống lại nội dung kiến thức trọng tâm của bài mà còn được khắc sâu hơn những giá trị đạo đức, nhân văn thể hiện thông qua những câu văn ngắn gọn dễ đọc, dễ nhớ.

Phần từ khoá cuối mỗi bài học: Đây là một số từ trọng tâm của bài học, giúp HS vừa làm quen với các thuật ngữ khoa học của môn học, vừa giúp các em củng cố và mở rộng vốn từ tiếng Việt của mình.

c. Tính thực tiễn được tăng cường

Nội dung bài học trong SGK môn *Tự nhiên và Xã hội*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* phát huy tối đa tính thực tiễn và sự gần gũi với HS. Người học hình thành các năng lực khoa học thông qua các câu chuyện, tình huống xoay quanh cuộc sống hằng ngày với những nhân vật phù hợp với độ tuổi của các em.

d. Chú trọng hướng dẫn hoạt động tự học cho học sinh

Mỗi bài học được cấu trúc gồm 7 phần. Mỗi phần được kí hiệu bằng một logo đặc trưng (hình ảnh quy ước chỉ dẫn hoạt động). Nội dung và mục đích của từng phần được giới thiệu với GV và HS ngay từ trang 2 của SGK Tự nhiên và Xã hội 3. Điều này tạo điều kiện thuận lợi để HS có thể quan sát các logo, kết hợp với kênh hình và kênh chữ (yêu cầu lệnh hoạt động) được thể hiện trong bài, HS có thể định hướng và tự tổ chức hoạt động học tập phù hợp trong từng bài học.

2.3. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học môn Tự nhiên và Xã hội 3

2.3.1. Ma trận nội dung và yêu cầu cần đạt

Dựa trên hướng dẫn thực hiện chương trình môn học, SGK *Tự nhiên và Xã hội 3* thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo* gợi ý cấu trúc nội dung và yêu cầu cần đạt như sau:



Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
GIA ĐÌNH	Bài 1: Họ nội, họ ngoại	– Mối quan hệ họ hàng nội, ngoại. – Tình cảm, sự gắn bó của bản thân với họ hàng nội, ngoại.	– Nêu được mối quan hệ họ hàng nội, ngoại. – Xung hô đúng với các thành viên trong gia đình thuộc họ nội, họ ngoại. – Vẽ, viết hoặc cắt dán ảnh vào sơ đồ gia đình và họ hàng nội, ngoại theo mẫu. – Bày tỏ được tình cảm, sự gắn bó của bản thân với họ hàng nội, ngoại.
	Bài 2: Kỷ niệm đáng nhớ của gia đình	– Tên và thông tin có liên quan đến một số ngày kỉ niệm hoặc sự kiện quan trọng của gia đình. – Sự thay đổi của gia đình theo thời gian.	– Nêu được tên một số ngày kỉ niệm hay sự kiện quan trọng của gia đình và thông tin có liên quan đến những sự kiện đó (ví dụ: một chuyến đi dã ngoại, du lịch đáng nhớ của cả gia đình; thay đổi nơi ở, nơi học, công việc của thành viên gia đình,...). – Vẽ được đường thời gian theo thứ tự các sự kiện lớn, các mốc quan trọng đã xảy ra trong gia đình. – Nhận xét được sự thay đổi của gia đình theo thời gian qua một số ví dụ.
	Bài 3: Phòng tránh hoả hoạn khi ở nhà	– Nguyên nhân dẫn đến cháy nhà và thiệt hại có thể xảy ra. – Kinh nghiệm ứng xử khi có cháy xảy ra. – Điều tra tìm hiểu những thứ có thể gây cháy trong nhà và biện pháp phòng cháy.	– Nêu được một số nguyên nhân dẫn đến cháy nhà và nêu được những thiệt hại có thể xảy ra (về người, tài sản,...) do hoả hoạn. – Đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong tình huống có cháy xảy ra; Nhận xét về những cách ứng xử đó. – Thực hành ứng xử trong tình huống giả định khi có cháy xảy ra. – Điều tra, phát hiện được những thứ có thể gây cháy trong nhà và nói với người lớn có biện pháp để phòng cháy.

	Bài 4: Giữ vệ sinh xung quanh nhà	– Sự cần thiết phải giữ vệ sinh xung quanh nhà ở. – Một số việc làm để giữ vệ sinh xung quanh nhà ở.	– Kể tên và làm được một số việc phù hợp để giữ vệ sinh xung quanh nhà. – Giải thích được một cách đơn giản tại sao cần phải giữ vệ sinh xung quanh nhà.
Bài 5: Ôn tập chủ đề Gia đình			
TRƯỜNG HỌC	Bài 6: Chúng em tham gia các hoạt động xã hội của trường	– Tên, một số hoạt động và ý nghĩa của một số hoạt động kết nối với xã hội của trường học và mô tả được hoạt động đó. – Sự tham gia của học sinh trong các hoạt động. – Cảm nhận của học sinh về các hoạt động ở trường.	– Nêu được tên và ý nghĩa một đến hai hoạt động kết nối với xã hội của trường học và mô tả được hoạt động đó. – Nhận xét được về sự tham gia của học sinh trong các hoạt động đó.
	Bài 7: Truyền thống của trường em	– Các truyền thống của nhà trường. – Tình cảm hoặc mong ước của bản thân đối với nhà trường.	– Đặt được một số câu hỏi để tìm hiểu về truyền thống nhà trường. – Giới thiệu được một cách đơn giản về truyền thống nhà trường. – Bày tỏ được tình cảm hoặc mong ước của bản thân đối với nhà trường.
	Bài 8: Thực hành: Giữ an toàn và vệ sinh trường học	– Khảo sát an toàn khu vực xung quanh trường học. – Giữ vệ sinh khu vực xung quanh trường học.	– Thực hành khảo sát về sự an toàn trong khuôn viên nhà trường hoặc khu vực xung quanh trường theo nhóm: + Lập được kế hoạch khảo sát về sự an toàn của phòng học, tường rào, sân chơi, bãi tập hoặc khu vực xung quanh trường theo mẫu. + Khảo sát được về sự an toàn liên quan đến cơ sở vật chất của nhà trường hoặc khu vực xung quanh trường theo sự phân công của nhóm. + Làm báo cáo, trình bày được kết quả khảo sát và đưa ra được ý tưởng khuyến nghị với nhà trường nhằm khắc phục, hạn chế những rủi ro có thể xảy ra. – Có ý thức giữ gìn và làm được một số việc phù hợp để giữ vệ sinh trường học và khu vực xung quanh trường.



Bài 9: Ôn tập chủ đề Trường học

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	Bài 10: Di tích lịch sử – văn hoá và cảnh quan thiên nhiên	– Cảnh đẹp về di tích lịch sử, văn hoá, thiên nhiên của Việt Nam và quê hương. – Tôn trọng và giữ vệ sinh khi tham quan.	– Giới thiệu được (bằng lời hoặc kết hợp lời nói với hình ảnh) một di tích lịch sử – văn hoá hoặc cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. – Thể hiện sự tôn trọng và có ý thức giữ vệ sinh khi đi tham quan di tích lịch sử – văn hoá hoặc cảnh quan thiên nhiên.
	Bài 11: Hoạt động sản xuất ở địa phương em	– Một số hoạt động sản xuất: nông nghiệp, công nghiệp, thủ công. – Hoạt động sản xuất và sản phẩm của địa phương.	– Kể được tên, sản phẩm và ích lợi của một số hoạt động sản xuất (nông nghiệp, công nghiệp hoặc thủ công) ở địa phương. – Trình bày, giới thiệu được một trong số các sản phẩm của địa phương dựa trên các thông tin, tranh ảnh, vật thật,... sưu tầm được.
	Bài 12: Tiêu dùng tiết kiệm và bảo vệ môi trường	– Tiêu dùng tiết kiệm và bảo vệ môi trường.	– Viết, vẽ hoặc sử dụng tranh ảnh, video,... để chia sẻ với những người xung quanh về sự cần thiết phải tiêu dùng tiết kiệm, bảo vệ môi trường.
	Bài 13: Thực hành: Khám phá cuộc sống xung quanh em	– Các hoạt động sản xuất ở địa phương. – Một số di tích lịch sử, văn hoá, cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.	– Thực hành quan sát, tìm hiểu các hoạt động sản xuất và cảnh đẹp về di tích lịch sử – văn hoá, cảnh đẹp thiên nhiên ở địa phương.

Bài 14: Ôn tập chủ đề Cộng đồng địa phương

THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	Bài 15: Lá, thân, rễ của thực vật	– Hình dạng, kích thước, màu sắc của rễ, thân, lá của các thực vật khác nhau. – Phân loại thân, rễ, lá.	– So sánh (hình dạng, kích thước, màu sắc) rễ, thân, lá của các thực vật khác nhau. – Phân loại được thực vật dựa trên một số tiêu chí (ví dụ: đặc điểm của thân, rễ, lá,...). – Vẽ hoặc sử dụng sơ đồ sẵn có để chỉ vị trí và nói (hoặc viết) được tên thân, rễ, lá của thực vật. – Trình bày được chức năng của lá, thân, rễ.
-----------------------------	--	--	--

	Bài 16: Hoa và quả	Hình dạng, kích thước, màu sắc của hoa, quả ở các thực vật khác nhau.	So sánh (hình dạng, kích thước, màu sắc) hoa quả của các thực vật khác nhau.
	Bài 17: Thế giới động vật quanh em	- Tên các phần cơ thể của động vật. - Chức năng của các bộ phận bên ngoài động vật. - Đặc điểm cấu tạo của một số động vật khác nhau; phân loại được động vật dựa trên một số tiêu chí (ví dụ: đặc điểm cơ quan di chuyển,...).	- Vẽ hoặc sử dụng sơ đồ sẵn có để chỉ vị trí và nói (hoặc viết) được tên một số bộ phận của động vật. - Trình bày được chức năng các bộ phận của động vật (sử dụng sơ đồ, tranh ảnh). - So sánh được đặc điểm cấu tạo của một số động vật khác nhau; phân loại được động vật dựa trên một số tiêu chí (ví dụ: đặc điểm cơ quan di chuyển,...).
	Bài 18: Sử dụng hợp lí thực vật và động vật	- Sử dụng thực vật và động vật trong đời sống hằng ngày. - Cách sử dụng thực vật và động vật hợp lí.	- Nêu được ví dụ về việc sử dụng thực vật và động vật trong đời sống hằng ngày. - Liên hệ thực tế, nhận xét về cách sử dụng thực vật và động vật của gia đình và cộng đồng địa phương. - Lựa chọn và đề xuất cách sử dụng thực vật và động vật hợp lí. Chia sẻ với những người xung quanh để cùng thực hiện.
Bài 19: Ôn tập chủ đề Thực vật và động vật			
CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ	Bài 20: Cơ quan tiêu hoá	- Các bộ phận chính của cơ quan tiêu hoá. - Chức năng của cơ quan tiêu hoá. - Những việc cần làm hoặc cần tránh để bảo vệ cơ quan tiêu hoá. - Các thức ăn, đồ uống, hoạt động có lợi cho cơ quan tiêu hoá. - Một số chất và hoạt động có hại đối với cơ quan tiêu hoá.	- Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của cơ quan tiêu hoá trên sơ đồ, tranh ảnh. - Nhận biết được chức năng của cơ quan tiêu hoá ở mức độ đơn giản ban đầu qua hoạt động hằng ngày của bản thân (ví dụ: theo dõi việc ăn, uống và thải bã). - Trình bày được một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ cơ quan tiêu hoá. - Kể được tên một số thức ăn, đồ uống và hoạt động có lợi cho cơ quan tiêu hoá.



	Bài 21: Cơ quan tuần hoàn	– Các bộ phận chính của cơ quan tuần hoàn. – Chức năng của cơ quan tuần hoàn. – Một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ cơ quan tuần hoàn. – Một số thức ăn, đồ uống và hoạt động có lợi cho tim mạch.	– Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của cơ quan tuần hoàn trên sơ đồ, tranh ảnh. – Nhận biết được chức năng của cơ quan tuần hoàn ở mức độ đơn giản ban đầu qua hoạt động sống hằng ngày của bản thân. – Trình bày được một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ cơ quan tuần hoàn. – Kể được tên một số thức ăn, đồ uống và hoạt động có lợi cho tim mạch.
	Bài 22: Cơ quan thần kinh	– Các bộ phận chính của cơ quan thần kinh. – Chức năng của cơ quan thần kinh. – Một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ cơ quan thần kinh. – Xây dựng thời gian biểu phù hợp (theo mẫu) để có được thói quen học tập, vui chơi, ăn uống, nghỉ ngơi điều độ và ngủ đủ giấc.	– Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của cơ quan thần kinh trên sơ đồ, tranh ảnh. – Nhận biết được chức năng của cơ quan thần kinh ở mức độ đơn giản ban đầu qua hoạt động sống hằng ngày của bản thân. – Nêu được một số ví dụ về mối quan hệ với gia đình hoặc bạn bè có ảnh hưởng tốt hoặc xấu đến trạng thái cảm xúc (hoặc sức khoẻ tinh thần) của mỗi người. – Trình bày được một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ cơ quan thần kinh. – Kể được tên một số thức ăn, đồ uống và hoạt động có lợi cho cơ quan thần kinh.
	Bài 23: Thức ăn, đồ uống có lợi cho cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh	– Một số chất và hoạt động có hại đối với các cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh.	– Thu thập được thông tin về một số chất và hoạt động có hại đối với các cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh.
	Bài 24: Thực hành: Tìm hiểu chất và hoạt động có hại cho cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh	– Một số chất và hoạt động có hại đối với các cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh.	– Thu thập được thông tin về một số chất và hoạt động có hại đối với các cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh và nêu được cách phòng tránh.

Bài 25: Ôn tập chủ đề Con người và sức khỏe			
TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI	Bài 26: Bốn phương trong không gian	– Bốn phương chính trong không gian. – Xác định phương hướng dựa vào Mặt Trời hoặc la bàn.	– Kể được bốn phương chính trong không gian theo quy ước. – Thực hành xác định được các phương chính dựa trên phương Mặt Trời mọc, lặn hoặc sử dụng la bàn.
	Bài 27: Quả địa cầu – Mô hình thu nhỏ của Trái Đất	– Hình dạng Trái Đất qua quả địa cầu. – Cực Bắc, cực Nam, đường Xích đạo, bán cầu Bắc, bán cầu Nam	– Nhận biết ban đầu về hình dạng Trái Đất qua quả địa cầu. – Chỉ được cực Bắc, cực Nam, đường Xích đạo, bán cầu Bắc, bán cầu Nam trên quả địa cầu.
	Bài 28: Trái Đất trong hệ Mặt Trời	– Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. – Chiều chuyển động của Trái Đất quanh mình nó và quanh Mặt Trời. – Hiện tượng ngày và đêm. – Chiều chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất. – Trái Đất là một hành tinh trong hệ Mặt Trời, Mặt Trăng là vệ tinh của Trái Đất.	– Chỉ và nói được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời trên sơ đồ, tranh ảnh. – Chỉ và trình bày được chiều chuyển động của Trái Đất quanh mình nó và quanh Mặt Trời trên sơ đồ và (hoặc) mô hình. – Giải thích được ở mức độ đơn giản hiện tượng ngày và đêm qua sử dụng mô hình hoặc video. – Chỉ được chiều chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất trên sơ đồ và (hoặc) mô hình. – Nêu được Trái Đất là một hành tinh trong hệ Mặt Trời, Mặt Trăng là vệ tinh của Trái Đất.
	Bài 29: Bề mặt Trái Đất	– Các đới khí hậu trên Trái Đất. – Hoạt động tiêu biểu của con người ở từng đới khí hậu. – Các châu lục và các đại dương trên Trái Đất. – Vị trí của Việt Nam trên quả địa cầu. – Một số dạng địa hình của Trái Đất.	– Chỉ được các đới khí hậu trên quả địa cầu. – Trình bày được một vài hoạt động tiêu biểu của con người ở từng đới khí hậu dựa vào tranh ảnh và (hoặc) video. – Tìm và nói được tên các châu lục và các đại dương trên quả địa cầu. Chỉ được vị trí của Việt Nam trên quả địa cầu. – Nêu được một số dạng địa hình của Trái Đất: đồng bằng, đồi, núi, cao nguyên; sông, hồ; biển, đại dương dựa vào tranh ảnh và (hoặc) video. – Xác định được nơi học sinh đang sống thuộc dạng địa hình nào.
Bài 30: Ôn tập chủ đề Trái Đất và bầu trời			



2.3.2. Cấu trúc một chủ đề

Mỗi chủ đề có cấu trúc thống nhất gồm:

+ Trang chủ đề: Giới thiệu tên chủ đề và có hình vẽ minh họa thể hiện nội dung đặc trưng của chủ đề.

+ Các bài học trong chủ đề. Trong đó, bài học cuối mỗi chủ đề đưa ra những gợi ý để nhà trường và giáo viên có thể tổ chức các hoạt động trải nghiệm, thực hành, khám phá thể giới tự nhiên và xã hội xung quanh cho học sinh.

+ Ôn tập chủ đề: là hệ thống các bài tập và nhiệm vụ học tập được thể hiện qua việc hoàn thành những sơ đồ, trả lời câu hỏi, xử lý tình huống, thực hành tham quan, tìm hiểu thực tế,... Thông qua các bài tập và nhiệm vụ học tập này, học sinh không chỉ được củng cố kiến thức, kĩ năng học được trong chủ đề mà còn tự đánh giá được các năng lực khoa học của bản thân.

2.3.3. Cấu trúc một bài học

Mỗi bài học được xây dựng với cấu trúc là một chuỗi các hoạt động học tập của học sinh, thể hiện rõ quan điểm dạy học phát triển năng lực và dạy học tích hợp, đồng thời đảm bảo cấu trúc bài học theo tiêu chuẩn sách giáo khoa quy định tại Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT.

Mỗi bài học được trình bày theo cách tiếp cận gắn với những năng lực đặc thù và gợi ý giáo viên tổ chức dạy học linh hoạt. Ở mỗi tiết, đều có cấu trúc thống nhất, bao gồm:

Phần mở đầu là những yêu cầu cần đạt và hoạt động khởi động:

+ *Yêu cầu cần đạt* trong mỗi bài học: Nhằm định hướng người đọc, nêu ngắn gọn các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh mà bài học hướng tới.

+ *Hoạt động khởi động*: Là những câu hỏi vấn đề hoặc bài hát, trò chơi,... gợi sự tò mò, kích thích sự hứng thú và huy động kinh nghiệm, kiến thức đã có của học sinh để bắt đầu bài học.

Phần nội dung chính là phần kiến thức mới, luyện tập, vận dụng được trình bày xen kẽ nhau thông qua những hoạt động học tập được tổ chức theo cách tiếp cận hướng đến những nhóm năng lực đặc thù của môn Tự nhiên và Xã hội:

+ *Hoạt động phát triển năng lực nhận thức khoa học và năng lực tìm hiểu môi trường Tự nhiên và Xã hội xung quanh*: Dựa vào quan sát, thực hành sắp xếp, phân loại hoặc trải nghiệm các kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm thực tiễn, học sinh nêu và nhận biết một số sự vật, hiện tượng, có khả năng đặt câu hỏi, quan sát, nhận xét về đặc điểm bên ngoài của các sự vật, hiện tượng xung quanh. Chú ý đến tâm sinh lí cũng như trình độ của học sinh lớp 3, các năng lực Nhận thức và năng lực Tìm hiểu được gộp chung trong một loại hình hoạt động, tránh gây bối rối cho học sinh.

+ *Hoạt động phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học*: Yêu cầu học sinh liên hệ thực tế, phân tích một tình huống, giải quyết một vấn đề có liên quan và đưa ra cách ứng xử phù hợp.

+ *Thông tin bổ sung, mở rộng*: Cung cấp những thông tin bổ sung, mở rộng cho các hoạt động trong bài học.

Phần kết bài học là những câu văn ngắn gọn thể hiện nội dung cần biết và những từ khoá được nhấn mạnh trong bài học:

+ *Nội dung cần biết*: Để học sinh có cơ hội nắm những nội dung chính, trọng tâm của bài học. Nội dung này được khuyến nghị để cho học sinh tập đọc theo giáo viên vào cuối tiết học, nhằm giúp học sinh tập trung vào một nội dung cơ bản hoặc giá trị sống cần nhấn mạnh trong bài, qua đó tăng cường khả năng đọc câu chữ tiếng Việt mà không yêu cầu học sinh phải thuộc lòng các nội dung này.

+ *Từ khoá*: Trước khi kết thúc bài học, học sinh sẽ tập đọc các Từ khoá của bài để khắc sâu một số từ quan trọng trong bài học, tăng cường khả năng đọc và nhớ từ tiếng Việt.

2.4. Phân tích một số bài học đặc trưng

2.4.1. Bài học hình thành kiến thức mới

Bài
22

Cơ quan thần kinh

Hoạt động khởi động

Cùng chơi "Chỉ chỉ, chành chành".
Cơ quan nào điều khiển suy nghĩ và hoạt động của em trong trò chơi trên?

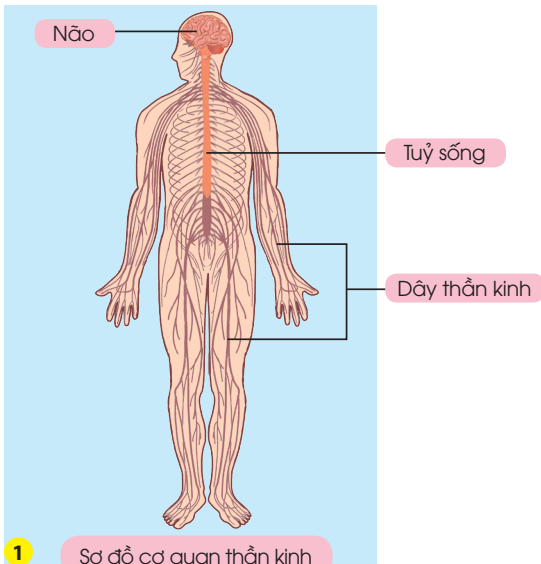


Yêu cầu cần đạt

- Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của cơ quan thần kinh trên sơ đồ, tranh ảnh.
- Nhận biết được chức năng đơn giản, ban đầu của cơ quan thần kinh.
- Trình bày được một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ cơ quan thần kinh.

Hoạt động phát triển năng lực nhận thức và tìm hiểu

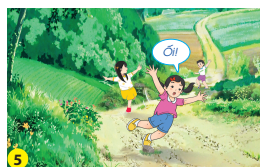
Chỉ và nói tên các bộ phận của cơ quan thần kinh trên sơ đồ ở hình 1.



Hoạt động phát triển năng lực nhận thức và tìm hiểu



- Nói với bạn về nội dung trong các hình sau.
- Bộ phận nào của cơ quan thần kinh điều khiển phản ứng của các bạn trong hình?



Khi bất ngờ chạm tay vào cốc nước nóng, tay em sẽ tự động rút lại; khi bất ngờ bị ngã, em sẽ kêu lên,... các phản ứng như vậy gọi là phản xạ. Tuy sống điều khiển các phản xạ này của cơ thể.



- Nhận xét về suy nghĩ và hoạt động của bạn trong tình huống sau.
- Bộ phận nào của cơ quan thần kinh điều khiển các suy nghĩ và hoạt động đó?



Não điều khiển suy nghĩ, cảm xúc, cách ứng xử của chúng ta. Nhờ các dây thần kinh dẫn truyền tín hiệu từ các cơ quan, não tiếp nhận, xử lý các thông tin và đưa ra chỉ dẫn cho các bộ phận của cơ thể hoạt động.

Thông tin bổ sung,
mở rộng

98

Hoạt động phát triển năng lực vận dụng



- Chia sẻ với bạn về một hoạt động của em theo gợi ý sau:
 - Tên hoạt động.
 - Các bộ phận của cơ thể tham gia hoạt động.
 - Những bộ phận của cơ quan thần kinh đã điều khiển hoạt động này.



- Trò chơi:** "Ai nhớ nhanh hơn?"



Em cần biết



Cơ quan thần kinh có chức năng tiếp nhận, trả lời các kích thích từ bên trong và bên ngoài cơ thể; điều khiển và phối hợp các cơ quan để thực hiện mọi hoạt động của cơ thể.



Trung ương thần kinh
Phản xạ

Từ khoá

2.4.2. Bài học thực hành, trải nghiệm thực tiễn

Bài
13

Thực hành: Khám phá cuộc sống xung quanh em

Hoạt động khởi động

Kể tên một di tích lịch sử – văn hoá hoặc một cảnh quan thiên nhiên mà em thích.



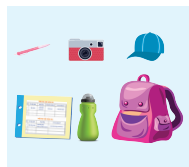
Thực hành quan sát, tìm hiểu hoạt động sản xuất hoặc di tích lịch sử – văn hoá, cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.

Yêu cầu cần đạt

Chuẩn bị và giao nhiệm vụ thực hành, trải nghiệm

1 Chuẩn bị:

- Lựa chọn một địa điểm để thực hành quan sát: nơi diễn ra hoạt động sản xuất hoặc di tích lịch sử – văn hoá, cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.
- Tìm hiểu phiếu thu thập thông tin.
- Phân công nhiệm vụ cho các bạn trong nhóm khi thực hành quan sát.



Một số lưu ý:

- Nên đi theo hàng dưới sự hướng dẫn của thầy, cô giáo.
- Chú ý an toàn khi thực hành.
- Không đùa nghịch.
- Không tự ý sử dụng các sản phẩm tại nơi thực hành.

PHIẾU 1: THU THẬP THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Nhóm: ...

Địa điểm thực hành: ...

STT	Hoạt động	Sản phẩm (nếu có)	Cảm xúc, suy nghĩ của em
1	?	?	?
2	?	?	?

PHIẾU 2: THU THẬP THÔNG TIN VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ – VĂN HÓA VÀ CẢNH QUAN THIÊN NHIÊN

Nhóm: ...

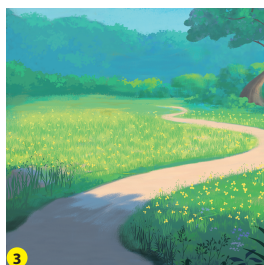
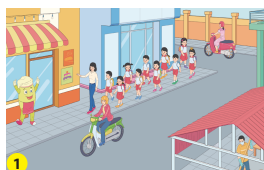
Địa điểm thực hành: ...

STT	Đặc điểm cảnh vật	Cảm xúc, suy nghĩ của em
1	?	?
2	?	?

56

Tổ chức cho các nhóm thực hành trải nghiệm

2 Thực hành quan sát, thu thập thông tin.



57

Chia sẻ và báo cáo kết quả thực hành, trải nghiệm

3. Chia sẻ với bạn những thông tin em quan sát và thu thập được.



4. Báo cáo và tổng kết hoạt động thực hành quan sát.



Em cần biết

Địa phương em có nhiều di tích lịch sử – văn hoá và cảnh quan thiên nhiên đẹp. Em cùng mọi người giữ gìn, bảo vệ các di tích lịch sử – văn hoá và cảnh đẹp xung quanh.

58

2.4.3. Bài Ôn tập chủ đề

Củng cố và hệ thống hoá các hoạt động, sản phẩm trong chủ đề

Bài 5

Ôn tập chủ đề Gia đình

1. Triển lãm tranh ảnh về "Những kỉ niệm của gia đình".



2. Giới thiệu về các thành viên trong gia đình họ nội, họ ngoại của em.

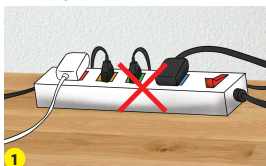


23

Liên hệ và tự đánh giá

Vận dụng kiến thức, kỹ năng của chủ đề để giải quyết các tình huống, vấn đề của cuộc sống

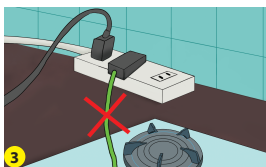
3. Em và các thành viên trong gia đình đã làm những việc nào dưới đây để phòng cháy khi ở nhà?



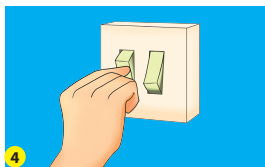
1 Không cắm nhiều thiết bị điện chung một ổ cắm điện



2 Khóa van bình ga sau khi đun nấu



3 Không để dây điện gần bếp ga



4 Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng

4. Cùng làm: Bản tin khu phố.

Chuẩn bị: Một tranh vẽ hoặc ảnh chụp về việc mọi người nơi em ở cùng nhau tham gia vệ sinh xung quanh nhà ở, bìa cứng, bút màu.

Thực hiện:

- Dán tranh, ảnh lên tờ bìa hoặc viết lại những hoạt động đã diễn ra.
- Trang trí bản tin của em.

Chia sẻ: "Bản tin khu phố" của em.



24

2.5. Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3

Tuỳ theo đặc điểm thực tiễn của nhà trường và địa phương, điều kiện dạy học, đối tượng học sinh..., các trường sẽ linh hoạt thời gian để đảm bảo thực hiện đủ số tiết và yêu cầu cần đạt của Chương trình môn học. Bảng sau đây đưa ra phương án gợi ý về kế hoạch dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 bộ sách Chân trời sáng tạo như sau:

Tuần	Chủ đề	Tên bài	Thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
1	GIA ĐÌNH	Bài 1: Họ nội, họ ngoại	2 tiết	
2		Bài 2: Kỷ niệm đáng nhớ của gia đình	2 tiết	Tích hợp giáo dục lịch sử gia đình.
3		Bài 3: Phòng tránh hoả hoạn khi ở nhà	2 tiết	Tích hợp giáo dục kỹ năng sống.
4		Bài 4: Giữ vệ sinh xung quanh nhà	2 tiết	
5		Bài 5: Ôn tập chủ đề Gia đình	2 tiết	



6	TRƯỜNG HỌC	Bài 6: Chúng em tham gia các hoạt động xã hội của trường	2 tiết	
7		Bài 7: Truyền thống của trường em	2 tiết	Tích hợp giáo dục truyền thống nhà trường.
8 – 9		Bài 8: Thực hành: Giữ an toàn và vệ sinh trường học	3 tiết	Tích hợp giáo dục kĩ năng sống.
9 – 10		Bài 9: Ôn tập chủ đề Trường học	2 tiết	
10 – 11	CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	Bài 10: Di tích lịch sử – văn hoá và cảnh quan thiên nhiên	2 tiết	Tích hợp giáo dục lịch sử – văn hoá, cảnh quan thiên nhiên địa phương.
11 – 12		Bài 11: Hoạt động sản xuất ở địa phương em	3 tiết	Nếp sống, hoạt động sản xuất của con người địa phương.
13		Bài 12: Tiêu dùng tiết kiệm và bảo vệ môi trường	2 tiết	Tích hợp giáo dục tài chính và bảo vệ môi trường.
14 – 15		Bài 13: Thực hành: Khám phá cuộc sống xung quanh em	3 tiết	Nếp sống địa phương.
15 – 16		Bài 14: Ôn tập chủ đề Cộng đồng địa phương	2 tiết	
16 – 17	THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	Bài 15: Lá, thân, rễ của thực vật	3 tiết	
18		Bài 16: Hoa và quả	2 tiết	
19		Bài 17: Thế giới động vật quanh em	2 tiết	
20		Bài 18: Sử dụng hợp lí thực vật và động vật	2 tiết	Tích hợp GD tài chính và bảo vệ môi trường
21		Bài 19: Ôn tập chủ đề Thực vật và động vật	2 tiết	

22 – 23	CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ	Bài 20: Cơ quan tiêu hoá	3 tiết	
23 – 24		Bài 21: Cơ quan tuần hoàn	3 tiết	
25 – 26		Bài 22: Cơ quan thần kinh	3 tiết	
26		Bài 23: Thức ăn, đồ uống có lợi cho cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh	1 tiết	
27 – 28		Bài 24: Thực hành: Tìm hiểu chất và hoạt động có hại cho cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh	3 tiết	Tích hợp giáo dục kĩ năng sống.
28 – 29		Bài 25: Ôn tập chủ đề Con người và sức khoẻ	2 tiết	
29 – 30	TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI	Bài 26: Bốn phương trong không gian	3 tiết	
31		Bài 27: Quả địa cầu – Mô hình thu nhỏ của Trái Đất	1 tiết	
32 – 33		Bài 28: Trái Đất trong hệ Mặt Trời	3 tiết	
33 – 34		Bài 29: Bề mặt Trái Đất	4 tiết	
35		Bài 30: Ôn tập chủ đề Trái Đất và bầu trời	2 tiết	

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 3

3.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3

Xuất phát từ định hướng chung về phương pháp giáo dục nêu tại chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, đặc biệt, quán triệt quan điểm lấy người học làm trung tâm, chú trọng phát triển phẩm chất và năng lực của người học, khi dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, giáo viên nên lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học theo các định hướng cơ bản sau:

– Tổ chức cho học sinh được quan sát. Phương pháp quan sát là phương pháp dạy học truyền thống và đặc trưng của môn Tự nhiên và Xã hội. Giáo viên có thể tổ chức cho học sinh quan sát nhiều đối tượng khác nhau: tranh ảnh trong sách giáo khoa, các video, hiện tượng tự nhiên và xã hội thực tế xung quanh. Phương pháp dạy học này được sử dụng ở tất cả các bài học, đây được coi như một trong các phương pháp dạy học nòng cốt, đặc trưng, nhằm góp phần hình thành và phát triển ở học sinh năng lực nhận thức khoa học và năng lực tìm hiểu tự nhiên, xã hội xung quanh.



– Tổ chức cho học sinh được tương tác. Tương tác là quá trình học sinh được hoạt động thông qua các mối quan hệ tương hỗ: tương tác với bạn học, tương tác với giáo viên và tương tác với tài liệu, phương tiện dạy học.

– Tổ chức cho học sinh được trải nghiệm: Sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội được biên soạn trên quan điểm gắn với thực tiễn, xoay quanh cuộc sống hằng ngày của học sinh. Do đó, khi dạy học môn học, giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học để khai thác tối đa tri thức và kinh nghiệm sống của người học thông qua các hoạt động khám phá, điều tra thực tiễn; trải nghiệm bản thân trong các tình huống giả định thể hiện cách ứng xử phù hợp với sức khỏe, sự an toàn của bản thân và những người xung quanh, bảo vệ môi trường sống,...

– Lựa chọn và phối hợp sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau theo hướng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của từng trường, địa phương khác nhau. Việc kết hợp các phương pháp dạy học hiệu quả sẽ kích thích và phát huy vai trò chủ động nhận thức của người học, giáo viên đóng vai trò là người cố vấn, hướng dẫn và khích lệ đối với việc học tập của học sinh. Khi sử dụng sách Tự nhiên và Xã hội, giáo viên có thể kết hợp hiệu quả các phương pháp dạy học như: phương pháp quan sát và phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp điều tra với phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề với thảo luận nhóm và tổ chức trò chơi,...

Cũng như các môn học khác, bài lên lớp được coi là hình thức tổ chức dạy học cơ bản của môn Tự nhiên và Xã hội nói chung và môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 nói riêng. Bên cạnh hình thức tổ chức dạy học này, dạy học môn Tự nhiên và Xã hội còn có các hình thức tổ chức dạy học khác: dạy học ngoài hiện trường, tham quan.

3.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3

Tiến trình tổ chức dạy học một bài học của môn Tự nhiên và Xã hội 3 nên đi theo tiến trình từ: Hoạt động khởi động → Hoạt động hình thành và phát triển năng lực nhận thức, tìm hiểu → Hoạt động vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Ở mỗi dạng hoạt động, GV có thể lựa chọn và sử dụng nhóm phương pháp dạy học phù hợp và có nhiều tiềm năng.

** Hoạt động khởi động:* Đây là hoạt động nhằm tạo không khí vui vẻ cho học sinh tiểu học, huy động và gắn kết những điều đã học, những kinh nghiệm đã biết vào bài học. GV có thể sử dụng phương pháp tổ chức trò chơi, dạy học nêu vấn đề thông qua các câu đố, câu hỏi, hoạt động vận động,... để tạo cảm giác vui vẻ, gắn kết vào bài học mới.

Trò chơi:

Truy tìm đồ vật.

Từ bàn của thầy cô, em đi hai bước ra hướng cửa sổ, rẽ phải đi thêm một bước...



Cùng chơi "Chỉ chỉ, chành chành".

Cơ quan nào điều khiển suy nghĩ và hoạt động của em trong trò chơi trên?



** Hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức và tìm hiểu:* Giúp HS hình thành kiến thức, kĩ năng cơ bản của bài học. Khi tổ chức dạy học hoạt động này, GV có thể sử dụng kết hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau, kết hợp dạy học trên lớp với dạy học ngoài hiện trường. Ví dụ: Với những hoạt động có các hình ảnh liên kết logic với nhau theo tiến trình, diễn biến của một câu chuyện thì GV có thể sử dụng kể chuyện kết hợp đàm thoại; Với những hoạt động khai thác thông tin qua sơ đồ, hình ảnh, GV có thể sử dụng phương pháp quan sát; Với những hoạt động đưa ra câu hỏi mở hoặc tình huống có vấn đề, GV có thể sử dụng thảo luận nhóm kết hợp dạy học giải quyết vấn đề,...

** Hoạt động vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Là hoạt động giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng mới được học để giải quyết các tình huống thực tiễn gắn với cuộc sống. Ở dạng hoạt động này, GV nên ưu tiên sử dụng các phương pháp dạy học hướng đến thực hành, tương tác và trải nghiệm cao. Ví dụ: Thảo luận nhóm để nêu được cách giải quyết vấn đề; đóng vai thể hiện cách ứng xử trong một số hoạt động đảm bảo an toàn cho bản thân; sưu tầm, vẽ, cắt, dán để hoàn thành sơ đồ về sự phân loại các nhóm thực vật, động vật; thuyết trình để liên hệ về các biển báo và hoạt động tham gia giao thông xung quanh,...

4. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3

4.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

Kiểm tra là quá trình tìm kiếm, thu thập thông tin về quá trình học sinh thực hiện bài học môn Tự nhiên và Xã hội trên cơ sở đối chiếu mục tiêu và yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của bài học, môn học với quá trình và kết quả đạt được. Đánh giá là quá trình xử lí thông tin qua kiểm tra được thể hiện qua thái độ và nhận xét của giáo viên về kết quả học tập môn Tự nhiên và Xã hội của học sinh.

Mục đích cơ bản của đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình môn Tự nhiên và Xã hội và sự tiến bộ của học sinh để tạo động lực học và điều chỉnh hoạt động dạy của giáo viên và nhà trường.

Một số đặc trưng của đánh giá phẩm chất, năng lực trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội:

+ Quan tâm đánh giá phẩm chất của học sinh, chú trọng đến năng lực cá nhân, khuyến khích học sinh thể hiện cá tính và năng lực bản thân. Các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm của học sinh được đánh giá chủ yếu là bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của học sinh khi tham gia các hoạt động học tập của bài học.

+ Đa dạng hoá các hình thức và công cụ đánh giá học sinh: Đánh giá qua lời nói, trả lời câu hỏi; Đánh giá qua phiếu bài tập, bài tự luận, trắc nghiệm,...; Đánh giá các sản phẩm quan sát, thực hành của nhóm, cá nhân; Đánh giá qua quan sát học sinh tham gia các hoạt động; Đánh giá qua sự phản hồi của các lực lượng giáo dục,...

+ Kết hợp đánh giá quá trình làm việc cá nhân với đánh giá sự hợp tác và làm việc nhóm, tập thể của học sinh.



+ Không chỉ quan tâm đến kết quả của hoạt động mà còn chú trọng đến quá trình tạo ra sản phẩm của hoạt động, coi trọng ý tưởng sáng tạo, tinh thần làm việc để tạo ra sản phẩm trong quá trình học tập. Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên với đánh giá định kì sau từng chủ đề nhằm điều chỉnh quá trình dạy học.

+ Trọng tâm đánh giá môn học nhấn mạnh đến đánh giá năng lực của người học.

+ Khuyến khích tự đánh giá và đánh giá chéo của cá nhân và các nhóm học sinh ở những thời điểm khác nhau trong quá trình dạy học. Đặc biệt là đánh giá cuối hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức khoa học, tìm hiểu môi trường tự nhiên, xã hội và cuối hoạt động hình thành, phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

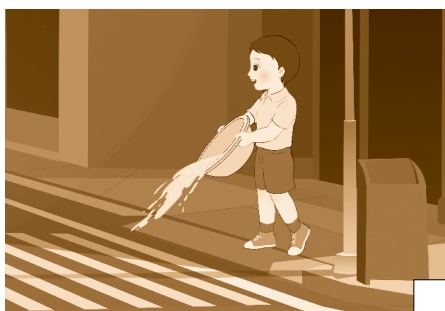
4.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh trong môn Tự nhiên và Xã hội 3

Căn cứ vào những biểu hiện cụ thể của năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội, giáo viên có thể thiết kế các câu hỏi, các bài tập để đánh giá năng lực khoa học của học sinh. Các bài tập đánh giá này giáo viên có thể tham khảo và sử dụng trong vở bài tập môn Tự nhiên và Xã hội 3.

+ Năng lực nhận thức khoa học: Có thể đánh giá thông qua việc yêu cầu học sinh nêu, mô tả, trình bày được một số sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội xung quanh; so sánh, lựa chọn và phân loại được các sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và xã hội theo một số tiêu chí.

Ví dụ 1: Để đánh giá khả năng nhận biết những việc làm đúng giúp giữ vệ sinh xung quanh nhà ở (Bài 4: Giữ vệ sinh xung quanh nhà), GV có thể đưa ra bài tập như sau:

2 Đánh dấu ✓ vào ☐ dưới những hình chỉ việc làm đúng giúp giữ vệ sinh xung quanh nhà ở.



Ví dụ 2: Để đánh giá khả năng phân biệt các hoạt động sản xuất: nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp (Bài 11: Hoạt động sản xuất ở địa phương em), GV có thể đưa ra bài tập như sau:

2 Nối các hình với tên hoạt động sản xuất phù hợp.



Nông nghiệp



Công nghiệp

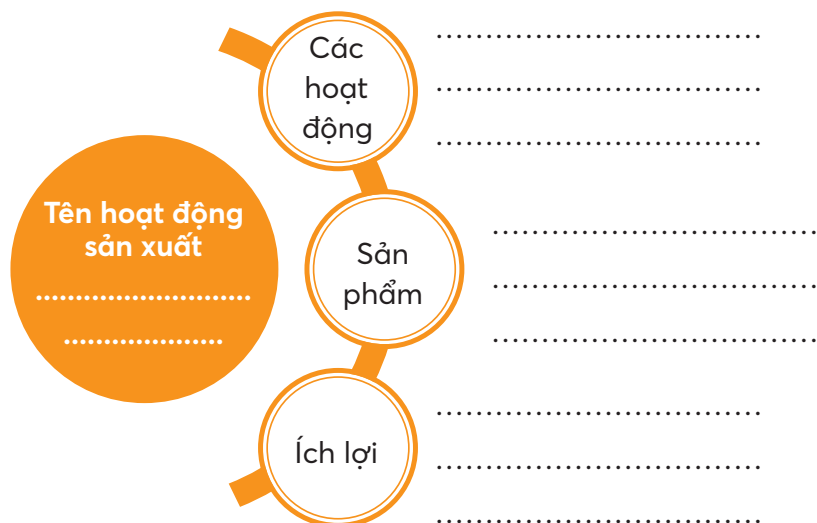


Thủ công



+ Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh: Có thể đánh giá được thông qua việc học sinh đặt được câu hỏi, nêu thắc mắc về một sự vật, hiện tượng; quan sát và tiến hành được các thao tác thực hành để nhận xét về đặc điểm của các sự vật, hiện tượng và mối quan hệ giữa chúng trong tự nhiên và xã hội.

Ví dụ: Khi dạy *Bài 11: Hoạt động sản xuất ở địa phương em*, GV có thể đánh giá năng lực quan sát, thu thập thông tin về các hoạt động sản xuất của địa phương và điền vào sơ đồ sau:



Sơ đồ giới thiệu về một hoạt động sản xuất tại địa phương em



+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Có thể đánh giá được thông qua việc học sinh giải thích, phân tích một số tình huống có liên quan đến bài học; nhận xét, đánh giá cách ứng xử của mọi người xung quanh; nêu và thực hiện được cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống và chia sẻ mọi người xung quanh cùng thực hiện.

Ví dụ: để đánh giá năng lực vận dụng khi học *Bài 23: Thức ăn, đồ uống có lợi cho cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh*, GV có thể đưa ra bài tập sau:

3 Lựa chọn những thức ăn, đồ uống có lợi cho cơ thể và viết vào chỗ (...) để xây dựng thực đơn trong ngày của em.

THỰC ĐƠN

MỘT NGÀY CỦA EM

Bữa sáng	Bữa trưa	Bữa tối
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		

5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG, KHAI THÁC TÀI LIỆU BỔ TRỢ, NGUỒN TÀI NGUYÊN, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ

5.1. Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên môn Tự nhiên và Xã hội 3

5.1.1. Cấu trúc sách giáo viên

Sách giáo viên được biên soạn nhằm giúp giáo viên có những hiểu biết cần thiết liên quan đến dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, giúp giáo viên thiết kế kế hoạch dạy học trên cơ sở tham khảo những gợi ý trong tài liệu. Qua đó, giúp giáo viên hiểu rõ và thực hiện được chương trình môn Tự nhiên và Xã hội, nâng cao hiệu quả sử dụng sách giáo khoa, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Tự nhiên và Xã hội.

Sách giáo viên được cấu trúc gồm hai phần:

Phần 1: Một số vấn đề chung về dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3

Phần này giới thiệu khái quát về đặc điểm, quan điểm, mục tiêu xây dựng chương trình môn Tự nhiên và Xã hội, ma trận nội dung môn Tự nhiên và Xã hội 3 và những yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học.

Phần 2: Gợi ý dạy học các bài trong môn Tự nhiên và Xã hội 3

Đây là nội dung chính, cơ bản của sách giáo viên. Nội dung này chiếm phần lớn số lượng các trang trong cuốn sách. Cụ thể phần này trình bày, hướng dẫn gợi ý cho 30 bài học trong sách giáo khoa môn *Tự nhiên và Xã hội 3* của bộ sách *Chân trời sáng tạo*, nội dung các bài học bám sát chương trình môn học và đáp ứng tất cả các yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

Mỗi kế hoạch dạy học trong sách giáo viên gồm ba phần:

- Yêu cầu cần đạt: là kết quả học sinh cần đạt được khi học xong bài học. Nội dung này được cụ thể hoá và bám sát Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 3.

- Đồ dùng dạy học: Gợi ý đưa ra những thiết bị dạy học của cả giáo viên và học sinh cần chuẩn bị trong bài. Những thiết bị dạy học này có thể gồm: tranh ảnh, video, đồ dùng, vật thật để học sinh thực hành, sắm vai; sách giáo khoa, vở bài tập,...

- Các hoạt động dạy học: Trình bày rõ những hoạt động được tổ chức ở tiết 1 và tiết 2,... nhằm đạt được mục tiêu đã xác định. Trong từng tiết, các hoạt động được gợi ý tổ chức gồm: Hoạt động khởi động, khám phá; Hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức, tìm hiểu; Hoạt động vận dụng kiến thức kĩ năng đã học; Hoạt động tiếp nối sau bài học. Trong từng hoạt động, có bốn yếu tố được trình bày:

- + Tên hoạt động: Có thể được đặt tên theo mục tiêu, nội dung hoặc phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động.

- + Mục tiêu của hoạt động: Là những mục tiêu chi tiết phù hợp với mục tiêu đã được xác định ở phần yêu cầu cần đạt của bài ở phía trên.

- + Cách tiến hành hoạt động: Trình bày cụ thể các bước tiến hành, gợi ý những cách tổ chức khác hoặc những lưu ý, chỉ dẫn thêm cho giáo viên khi tổ chức hoạt động dạy học.

- + Kết luận của hoạt động: Phù hợp với mục tiêu của hoạt động và thống nhất, cụ thể hoá với mục tiêu mà hoạt động đặt ra.

5.1.2. Sử dụng sách giáo viên hiệu quả

Đối với giáo viên tiểu học, sách giáo viên là tài liệu hỗ trợ quan trọng định hướng cho giáo viên tổ chức các hoạt động dạy học nhằm đạt được yêu cầu cần đạt của chương trình môn Tự nhiên và Xã hội. Tuy nhiên, dạy học là một quá trình sáng tạo và chương trình môn Tự nhiên và Xã hội là chương trình mở. Trong quá trình soạn sách giáo viên, các tác giả không thể dự đoán được tất cả các câu trả lời, các cách xử lý tình huống của học sinh, các điều kiện, cơ sở vật chất của tất cả các trường,... Do đó, để sử dụng sách giáo viên môn Tự nhiên và Xã hội 3 hiệu quả, các cán bộ quản lí và giáo viên đứng lớp cần chú ý một số điều cơ bản sau:



– Những nội dung bài soạn trong sách giáo viên chỉ là những gợi ý, không bắt buộc tất cả các giáo viên phải làm theo.

– Dựa trên những gợi ý này, giáo viên có thể thiết kế lại kế hoạch bài học sao cho phù hợp với tính chất của bài; khả năng của học sinh,...

5.2. Hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, sách tham khảo

Sách bổ trợ dành cho học sinh khi học tập môn Tự nhiên và Xã hội là vở bài tập. Tài liệu này được coi là phương tiện, giúp học sinh củng cố và thực hiện các hoạt động học tập ở trên lớp thông qua các dạng bài tập đa dạng.

Vở bài tập chỉ là tài liệu tham khảo, gợi ý cho giáo viên cách tổ chức các hoạt động tự học. Do đó, giáo viên không nên coi vở bài tập là phương tiện duy nhất, cách tốt nhất để tổ chức hoạt động cho học sinh. Tùy theo điều kiện thực tế của từng trường, của địa phương, giáo viên có thể thiết kế các mẫu phiếu cho học sinh sử dụng.

Mỗi bài học trong vở bài tập có khoảng từ bốn đến năm bài tập luyện tập. Nội dung các bài tập được trình bày với nhiều yêu cầu khác nhau. Các bài tập này có nội dung bám sát sách giáo khoa *Tự nhiên và Xã hội (Chân trời sáng tạo)* và được thể hiện sáng tạo dưới các hình thức trải nghiệm, vui chơi, nhằm tạo tâm thế thoải mái và thu hút học sinh tự học để mang lại hiệu quả cao cho kết quả học tập của môn học.

Khi dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở trên lớp, giáo viên có thể tổ chức cho học sinh sử dụng kết hợp vở bài tập trong các hoạt động viết, vẽ,... để giúp bài học đạt hiệu quả và giảm thời gian chuẩn bị các phiếu bài tập, hình vẽ.

5.3. Hướng dẫn sử dụng, khai thác nguồn tài nguyên, học liệu điện tử của NXBGDVN

Việc tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 được hướng dẫn triển khai thông qua các tài liệu sau:

- Hướng dẫn tổ chức dạy học sách giáo khoa mới môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3.
- Video một số bài dạy minh họa trong môn học.
- Sách giáo khoa, sách giáo viên và vở bài tập môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3.

Việc khai thác, sử dụng các tài liệu trên được các tác giả và NXB hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên và cán bộ quản lý một cách cụ thể, theo kế hoạch, quy trình tập huấn khoa học được chuẩn bị và xây dựng trước.

PHẦN THỨ HAI

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3

1. QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trên cơ sở nghiên cứu Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 3, sách giáo khoa sử dụng và kế hoạch dạy học của nhà trường, giáo viên tiến hành thiết kế kế hoạch bài dạy cho phù hợp với đối tượng học sinh. Cấu trúc kế hoạch bài dạy được thiết kế bám sát theo hướng dẫn của công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7/6/2021 về việc xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp Tiểu học. Quá trình thiết kế kế hoạch bài dạy có thể được tiến hành theo các bước cơ bản sau:

Bước 1: Xác định yêu cầu cần đạt của bài học.

Giáo viên xác định các yêu cầu cần đạt liên quan đến năng lực khoa học, năng lực chung và phẩm chất chủ yếu dựa trên nội dung bài học và yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 – Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội.

Bước 2: Xác định các nội dung chính đáp ứng yêu cầu cần đạt của bài học.

Bước 3: Lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.

Tuỳ từng chủ đề, điều kiện cơ sở vật chất và đối tượng học sinh mà giáo viên chủ động lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật dạy học phù hợp. Trong quá trình lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức dạy học cần chú ý đến định hướng chung về việc sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và dạng bài học trong SGK *Tự nhiên và Xã hội 3* thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo*.

Bước 4: Lựa chọn phương tiện, thiết bị dạy học phù hợp với phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đã xác định.

Bước 5: Lập dàn ý tiến trình bài dạy và thiết kế các hoạt động dạy học cụ thể.

2. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC DẠNG BÀI

2.1. Dạng bài hình thành kiến thức mới

2.1.1. Hướng dẫn dạy học bài hình thành kiến thức mới

Bài mới có cấu trúc gồm các phần: Yêu cầu cần đạt; Hoạt động khởi động; Hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức và tìm hiểu; Hoạt động hình thành, phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng; Em cần biết; Từ khoá. Mỗi phần có mục tiêu, nội dung và cách tổ chức dạy học khác nhau. Khi tổ chức dạy bài này, giáo viên có thể tiến hành theo các bước cơ bản như sau:



a. Hoạt động khởi động

Đây là hoạt động tạo hứng thú, khơi gợi và kết nối những hiểu biết đã có của học sinh vào quá trình học tập bài học mới thông qua các bài hát, trò chơi, câu lệnh thực hiện hoạt động hoặc đàm thoại ngắn gọn giữa giáo viên với học sinh. Sản phẩm của hoạt động này là các câu hỏi và ý kiến dự đoán, nội dung trả lời hoặc giả thuyết liên quan đến bài học mới của học sinh.

b. Hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức, tìm hiểu

Đây là hoạt động giúp học sinh xây dựng kiến thức khoa học mới, thay đổi những quan niệm chưa đúng, bổ sung những quan niệm chưa đầy đủ thông qua các hoạt động quan sát, kể chuyện, đàm thoại, thảo luận nhóm,... trên các tranh ảnh, mô hình, tài liệu,...

Sản phẩm của hoạt động này là học sinh nêu ra được những nhận xét, trả lời câu hỏi, tự nêu được các giá trị đạo đức, nhân văn được rút ra trong bài học hoặc những tri thức khoa học của bài.

Khi tổ chức dạy học hoạt động này, giáo viên có thể khai thác và sử dụng tranh ảnh, ngữ liệu đã có trong sách giáo khoa hoặc có thể sử dụng các tài liệu, phương tiện dạy học sẵn có của trường, lớp, địa phương, huy động tối đa sự chuẩn bị và tham gia của học sinh để tổ chức hoạt động.

Các phương pháp dạy học được vận dụng để tổ chức hoạt động này khá đa dạng và phong phú, giáo viên có thể sử dụng phương pháp quan sát, kể chuyện kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm, dạy học nêu vấn đề,...

c. Hoạt động vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

Hoạt động này nhằm giúp học sinh huy động, hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng của môn Tự nhiên và Xã hội để giải quyết các vấn đề cụ thể của cuộc sống hằng ngày một cách có hiệu quả. Thông qua việc trao đổi với bạn học; thực hành phân loại các sự vật, hiện tượng; tham gia các trò chơi; xử lí các tình huống, học sinh củng cố kiến thức, nhìn nhận, đánh giá lại kiến thức, kĩ năng vừa hình thành; đưa kiến thức, kĩ năng mới học vào hệ thống kiến thức, kĩ năng của bản thân; vận dụng tri thức, kĩ năng của bản thân vào giải quyết các tình huống tương tự trong học tập, trong cuộc sống.

Sản phẩm của hoạt động này là học sinh liên hệ được bản thân; lựa chọn, giải thích và đưa ra cách ứng xử, giải quyết vấn đề phù hợp; thực hành làm một số việc làm cụ thể trong cuộc sống hằng ngày có liên quan đến bài học.

Khi tổ chức dạy học hoạt động này, giáo viên có thể tăng cường sử dụng các nhóm phương pháp và kĩ thuật dạy học theo hướng trải nghiệm cho học sinh như: phương pháp tổ chức trò chơi, thảo luận nhóm, đóng vai, điều tra,...

d. Em cần biết

Hệ thống lại nội dung và giá trị trọng tâm của bài học bằng những câu văn ngắn dễ đọc, dễ hiểu và dễ nhớ. Sản phẩm của hoạt động này là học sinh nói, hiểu và có khả năng nhớ được những nội dung và giá trị trọng tâm được nhấn mạnh ở mỗi tiết học.

Những nội dung trong mục *Em cần biết* không nhất thiết phải đưa vào cuối tiết học. Nếu nội dung *Em cần biết* là nội dung chính cần nhấn mạnh trong tiết học thì giáo viên có thể linh hoạt yêu cầu học sinh tự rút ra và nhắc lại khi kết thúc một hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức, tìm hiểu có liên quan. Nếu nội dung *Em cần biết* là một giá trị sống, một phẩm chất cần được nhấn mạnh thì giáo viên có thể dẫn dắt học sinh nêu ra và nhấn mạnh sau khi tổ chức hoạt động vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

e. Từ khoá

Là những từ trọng tâm của bài học, giúp học sinh bổ sung và làm giàu thêm vốn từ của mình. Việc rút ra và ghi nhớ các từ khoá nên được thực hiện vào cuối bài học, sau khi học sinh đã được tham gia tất cả các hoạt động học tập trong bài.

g. Hoạt động tiếp nối

Là những hoạt động kế nối giữa tiết 1 với tiết 2, tiết 2 với tiết 3,... hoặc kết nối bài học với việc vận dụng kiến thức, kĩ năng bài học để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống. Do đó, khi thiết kế hoạt động này, giáo viên cần nghiên cứu tổng thể bài học trong mối quan hệ nội dung giữa các tiết học và nội dung bài học với thực tiễn cuộc sống hằng ngày của học sinh.

2.1.2. Bài soạn minh hoạ

BÀI 17. THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT QUANH EM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Vẽ hoặc sử dụng sơ đồ có sẵn để chỉ vị trí và nói (hoặc viết) được tên một số bộ phận của động vật.
- Trình bày được chức năng của một số bộ phận của động vật.
- So sánh được đặc điểm cấu tạo của một số động vật khác nhau; phân loại được động vật dựa trên cơ quan di chuyển.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: bài hát, các hình của bài 17 trong SGK hoặc tranh ảnh về động vật.
- HS: SGK, VBT, tranh ảnh sưu tầm về động vật.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 1

Hoạt động khởi động

* **Mục tiêu:** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về thế giới động vật quanh em để dẫn dắt vào bài học mới.



*** Cách tiến hành:**

- GV tổ chức cho HS cùng múa hát theo lời một bài hát về con vật.
- GV đặt câu hỏi:
 - + Nội dung bài hát nói về những loài động vật nào?
 - + Kể tên một số loài động vật mà em biết
- GV mời HS trả lời.
- GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: “Thế giới động vật quanh em”.

Hoạt động 1: Tìm hiểu bộ phận bên ngoài của con vật

*** Mục tiêu:** HS nhận biết được các bộ phận bên ngoài của một số con vật.

*** Cách tiến hành:**

- GV chia lớp thành các nhóm 4 HS, phát cho HS hình 1 trong SGK trang 72 và yêu cầu HS: Quan sát các động vật trong hình và hoàn thành bảng theo gợi ý.
- GV mời các nhóm trình bày trước lớp.
- GV và HS cùng nhận xét.
- GV yêu cầu HS: Nêu nhận xét về các bộ phận bên ngoài của động vật mà em đã quan sát.
- GV nhận xét và cùng HS rút ra kết luận.

Kết luận: Trong tự nhiên, có rất nhiều loài động vật. Các loài động vật có hình dạng, kích thước và màu sắc khác nhau. Cơ thể chúng thường gồm ba phần: đầu, mình và cơ quan di chuyển.

Hoạt động 2: Tìm hiểu tên, chức năng của một số bộ phận ở con vật

*** Mục tiêu:** HS chỉ vị trí và nói được tên, chức năng một số bộ phận của động vật.

*** Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS tạo thành các nhóm đôi, yêu cầu HS quan sát các hình 2, 3, 4, 5 trong SGK trang 73 (GV có thể phóng to cho HS quan sát) và yêu cầu HS: Chỉ trên hình và nói về cơ quan di chuyển, lớp bao phủ của các động vật trong hình.
- GV quan sát, giúp đỡ các nhóm, đặt thêm câu hỏi gợi mở để HS phân biệt được cơ quan di chuyển của động vật sống trên cạn và động vật sống dưới nước.
 - + Cá di chuyển bằng gì? (Vây, đuôi)
 - + Da cá được bao phủ bởi những gì? (Da của hầu hết các loài cá được bao phủ bởi những lớp vảy).
 - + Chim có các bộ phận nào? (Đầu, mình, chân, cánh)
 - + Toàn thân chim được bao phủ bằng gì? (Lớp lông vũ)
- GV mời các nhóm trình bày với cả lớp.
- GV nhận xét và cùng HS rút ra kết luận.

Kết luận: Lớp bao phủ bên ngoài của động vật có chức năng che chở, giữ nhiệt độ cho cơ thể. Đối với một số động vật, lớp bao phủ còn có chức năng chống thấm nước hoặc ngụy trang.

Hoạt động 3: Liên hệ về một số con vật mà em biết

Mục tiêu: HS nêu được nhận xét và so sánh về lớp bao phủ, cơ quan di chuyển của các con vật.

Cách tiến hành:

– GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS thảo luận cặp đôi: Nhận xét và so sánh về lớp bao phủ, cơ quan di chuyển của các con vật mà em biết.

HS chuẩn bị tranh, ảnh về động vật (GV yêu cầu HS chuẩn bị trước tiết học).

– GV có thể đặt các câu hỏi gợi mở cho HS: Em nhìn thấy các con vật ở đâu? Chúng di chuyển bằng cơ quan nào? Chức năng của lớp bao phủ bên ngoài của con vật ấy là gì?...

– GV mời các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp.

– GV nhận xét và cùng HS rút ra kết luận.

Kết luận: Động vật có lớp bao phủ bên ngoài như vảy, lông vũ, lông mao,... giúp bảo vệ cho cơ thể.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: “Vảy – Lông vũ – Lông mao”.

Hoạt động tiếp nối

GV yêu cầu HS sưu tầm tranh ảnh các loài động vật. Nếu có điều kiện hãy quan sát trực tiếp cách di chuyển của một loài động vật và chụp ảnh hoặc quay video clip để giới thiệu với các bạn.

Tiết 2

Hoạt động khởi động

* **Mục tiêu:** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về các bộ phận bên ngoài của động vật để dẫn dắt vào bài học mới.

* Cách tiến hành:

– GV tổ chức dưới hình thức trò chơi: “Giải câu đố”.

– GV phổ biến luật chơi: GV nêu câu đố về các con vật. Lưu ý: GV nên chọn các câu đố có thể hiện cơ quan di chuyển. HS suy nghĩ và tìm lời giải cho câu đố. HS nào tìm được lời giải chính xác sẽ giành được điểm thưởng.

Ví dụ: Thân em nửa chuột nửa chim

Ngày treo chân ngủ, tối tìm mồi bay

Trời cho tai mắt giỏi thay

Tối đen tối mịt cứ bay vù vù.

(Là con gì?)

– GV đặt câu hỏi: Dơi bay được là nhờ bộ phận nào?

– GV dẫn dắt vào tiết 2 của bài học.



Hoạt động 1: Phân loại động vật theo đặc điểm của cơ quan di chuyển

* **Mục tiêu:** HS biết cách phân loại động vật theo đặc điểm của cơ quan di chuyển.

* **Cách tiến hành:**

– GV chia lớp thành nhóm có 4 HS, yêu cầu HS quan sát các hình từ 6 đến 15 trong SGK trang 74 (hoặc một số tranh ảnh GV tự chuẩn bị về các loài động vật) và xếp các con vật vào ba nhóm sao cho phù hợp:

- + Động vật di chuyển bằng chân.
- + Động vật di chuyển bằng vây, đuôi.
- + Động vật di chuyển bằng cánh.

– GV tổ chức cho HS trình bày kết quả trước lớp.

– GV cho HS xem thêm các video clip về cách di chuyển của động vật.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

* **Kết luận:** Các loài động vật di chuyển bằng hình thức đi, chạy, bò, bay, bơi,... dựa vào các cơ quan di chuyển phổ biến là chân, cánh, vây.

Hoạt động 2: Trưng bày tranh, ảnh về động vật

* **Mục tiêu:** củng cố những kiến thức đã học về cơ quan di chuyển của các loài động vật.

* **Cách tiến hành:**

– GV chia lớp thành nhóm 4 HS. Các thành viên trong mỗi nhóm chia sẻ với nhau về bức tranh mình đã vẽ hoặc hình ảnh về các loài động vật đã sưu tầm được để cả nhóm cùng xem. Sau đó, các bạn trong nhóm sẽ cùng nhau: nói tên và cơ quan di chuyển của các con vật; sắp xếp các con vật vào nhóm phù hợp (động vật di chuyển bằng chân, động vật di chuyển bằng vây, đuôi; động vật di chuyển bằng cánh); vẽ và trang trí cho sản phẩm thêm đẹp và ấn tượng.

– GV tổ chức cho HS trưng bày tranh, ảnh. Các nhóm sẽ tham quan lẫn nhau.

– GV nhận xét, tuyên dương HS.

GV dẫn dắt để HS nêu được từ khoá của bài: “Cơ quan di chuyển”.

Hoạt động tiếp nối

GV yêu cầu HS về nhà giới thiệu bộ sưu tập tranh, ảnh về động vật đã thực hiện ở lớp với người thân.

2.2. Dạng bài thực hành, trải nghiệm thực tiễn

2.2.1. Hướng dẫn dạy bài thực hành, trải nghiệm thực tiễn

Cuối mỗi chủ đề của môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3, sách giáo khoa đưa ra gợi ý tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm thực tiễn. Nội dung các bài học này nhấn mạnh đến việc tạo cơ hội cho học sinh được hợp tác nhóm, cùng nhau thực hành quan sát, điều tra, tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh; cùng nhau thực hành vệ sinh, lao động trường, lớp; cùng nhau đóng vai, tổ chức triển lãm, hội chợ, đóng kịch,... để khám phá, trải nghiệm, củng cố lại các kiến thức, kĩ năng đã được tìm hiểu trong chủ đề.

Đối với những dạng hoạt động hoặc bài học thực hành, trải nghiệm này, GV có thể tổ chức cho HS theo các bước như sau:

+ **Bước 1:** Chuẩn bị và giao nhiệm vụ thực hành, trải nghiệm: phân chia các nhóm học sinh; phân công nhiệm vụ; hướng dẫn cách thực hiện, hoàn thành các phiếu quan sát, phiếu thực hành (nếu có) và những lưu ý an toàn,...

+ **Bước 2:** Tổ chức cho các nhóm thực hành, trải nghiệm. GV bao quát, quan sát các nhóm; hỗ trợ các nhóm thực hiện nhiệm vụ khi cần thiết.

+ **Bước 3:** Tổ chức chia sẻ và báo cáo kết quả thực hành, trải nghiệm: Các nhóm giới thiệu sản phẩm; trình bày kết quả sau khi thực hiện nhiệm vụ; Bày tỏ cảm xúc, mong muốn, suy nghĩ của bản thân sau khi thực hiện nhiệm vụ thực hành. GV tổng kết, nhận xét tiết học, nhấn mạnh điều học được và từ khoá của bài học.

2.2.2. Bài soạn minh họa

BÀI 24: THỰC HÀNH: TÌM HIỂU VỀ CHẤT VÀ HOẠT ĐỘNG CÓ HẠI CHO CƠ QUAN TIÊU HOÁ, TUẦN HOÀN, THẦN KINH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

– Thu thập được thông tin về một số chất và hoạt động có hại đối với các cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh và nêu được cách phòng tránh.

– Bài học góp phần phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác thông qua các hoạt động phối hợp nhóm để thu thập thông tin, giải quyết vấn đề và sáng tạo để thiết kế trang báo sức khoẻ; phẩm chất chăm chỉ và trung thực khi thực hành thu thập thông tin.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– GV: Tranh ảnh trong bài 24 (phóng to hoặc trình chiếu); Phiếu thu thập thông tin theo mẫu ở SGK trang 104.

– HS: SGK, VBT.



III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 1

Hoạt động khởi động

* **Mục tiêu:** Tạo hứng thú và khơi gợi vốn hiểu biết đã có của học sinh để kết nối vào bài học.

* **Cách tiến hành:**

- GV tổ chức cho cả lớp tham gia trò chơi: “Khuôn mặt cảm xúc”.
- GV mời 4 HS lên bảng, mỗi bạn bốc thăm một phiếu có hình khuôn mặt cảm xúc bất kì trong hộp đã chuẩn bị sẵn, sau đó dùng cử chỉ, điệu bộ của cơ thể (không được dùng lời nói) để diễn tả cảm xúc của khuôn mặt đó cho các bạn dưới lớp đoán đó là cảm xúc gì (vui, buồn hay tức giận,...).
- GV tổ chức cho cả lớp lần lượt tham gia chơi. GV tuyên dương những bạn có câu trả lời đúng hoặc tích cực trong trò chơi.
- GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: “Thực hành: Tìm hiểu chất và hoạt động có hại cho cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh”.

Hoạt động 1: Chuẩn bị

* **Mục tiêu:** HS biết chuẩn bị các đồ dùng, phiếu học tập, cách thực hiện thu thập thông tin.

* **Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi:
 - + Em cần thu thập những thông tin gì?
 - + Em cần chuẩn bị những gì để thực hành thu thập thông tin?
 - + Em sẽ thu thập thông tin bằng cách nào?
 - + Em nên lưu ý điều gì trong quá trình tìm kiếm, thu thập thông tin?
 - GV tổ chức cho HS trình bày trước lớp.
 - GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.
- * **Kết luận:** Các em cần chuẩn bị phiếu thu thập thông tin, vở, bút,... Chúng ta có thể thu thập thông tin bằng cách hỏi bố mẹ, người thân; tìm kiếm trên in-tơ-nét; hỏi bạn bè, thầy cô; quan sát trong thực tiễn,...

Hoạt động 2: Phân công nhiệm vụ theo nhóm

* **Mục tiêu:** HS xác định cách thức thu thập thông tin của nhóm và phân công nhiệm vụ để thực hiện.

- GV phát cho HS phiếu thu thập thông tin phù hợp và hướng dẫn các nội dung HS cần hoàn thành trong phiếu (mẫu phiếu có thể tham khảo trong SGK trang 104).
- HS thảo luận nhóm phân công công việc cho các thành viên.
- Một số nhóm chia sẻ về cách thức thu thập thông tin và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm.

Hoạt động tiếp nối

GV yêu cầu các nhóm tiến hành thu thập thông tin theo nhiệm vụ được phân công, hoàn thành phiếu thu thập thông tin, chuẩn bị báo cáo kết quả ở tiết sau.

Tiết 2

Hoạt động khởi động

* **Mục tiêu:** Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết học trước.

* **Cách tiến hành:**

– GV tổ chức cho HS thi kể về những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh (có thể tổ chức cho HS thi theo nhóm hoặc tổ chức trò chơi truyền điện).

– GV dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Hoàn thiện phiếu thu thập thông tin sau khi thực hành

* **Mục tiêu:** HS hoàn thành phiếu thu thập thông tin.

* **Cách tiến hành:**

– HS thảo luận nhóm hoàn thành sản phẩm sau khi thu thập thông tin.

– Các nhóm HS phân công nhiệm vụ giữa các thành viên để hoàn thiện sản phẩm của nhóm (tổ) từ các thông tin, hình ảnh do các thành viên thu thập được.

– GV và HS cùng nhận xét.

Hoạt động 2: Báo cáo kết quả thu thập thông tin

* **Mục tiêu:** HS mô tả được các hoạt động thu thập thông tin và kết quả mà bản thân thu nhận được.

* **Cách tiến hành:**

– Các nhóm lần lượt đóng vai bác sĩ trò chuyện với bệnh nhân để báo cáo trước lớp phiếu thu thập thông tin của nhóm mình.

– GV đưa tiêu chí đánh giá.

– Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung và bình chọn nhóm có kết quả tốt, trình bày hay nhất.

– GV nhận xét và khái quát một số thông tin mà học sinh thu thập được.

Tiết 3

Hoạt động khởi động

* **Mục tiêu:** Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết học trước.

* **Cách tiến hành:**

– GV tổ chức cho HS cùng hát theo lời bài hát “Chiếc bụng đói” và dẫn dắt vào tiết 3 của bài học.



Hoạt động: Thiết kế trang báo “Sức khỏe”

* **Mục tiêu:** HS thể hiện sự sáng tạo qua nội dung tuyên truyền mọi người xung quanh không sử dụng các chất gây hại và tránh những hoạt động ảnh hưởng không tốt đến cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh.

*** Cách tiến hành:**

– HS làm việc theo nhóm. Các nhóm HS vẽ và viết những câu ngắn để tuyên truyền, nhắc nhở mọi người xung quanh không sử dụng các chất gây hại và tránh những hoạt động có ảnh hưởng không tốt đến cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh.

– Tổ chức cho HS tham quan sản phẩm của các nhóm.

* **Kết luận:** Thuốc lá, rượu, ma túy,... là các chất gây nghiện. Sử dụng các chất này sẽ gây hại cho cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh. Em cần ngủ đúng giờ, đủ giấc, tập thể dục thường xuyên và không sử dụng các chất gây hại cho cơ thể.

Hoạt động tiếp nối

GV yêu cầu HS tự giác thực hiện và tuyên truyền người thân tham gia sinh hoạt lành mạnh, không sử dụng các chất gây hại cho cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh.

2.3. Dạng bài ôn tập

2.3.1. Hướng dẫn dạy bài ôn tập

a. Mục tiêu, cấu trúc bài ôn tập

Bài ôn tập nhằm giúp học sinh có cái nhìn tổng quát, củng cố lại năng lực nhận thức khoa học, năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh; nâng cao năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học; tự đánh giá năng lực khoa học của bản thân.

Mỗi bài ôn tập có từ bốn đến năm bài tập, được trình bày trong 2 trang và gợi ý giáo viên tổ chức dạy trong 2 tiết. Hệ thống các bài tập xoay quanh nhiệm vụ yêu cầu học sinh nói, kể về nội dung kiến thức đã học trong chủ đề theo sơ đồ hoặc gợi ý; triển lãm, trình bày các sản phẩm đã làm được trong chủ đề; nhận xét, đánh giá và bày tỏ thái độ về những hành vi, cách ứng xử; xử lý một số tình huống có liên quan đến chủ đề; thực hành quan sát, điều tra ở mức độ đơn giản các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội xung quanh.

b. Gợi ý phương pháp và cách thức tổ chức dạy học

Mục đích của bài ôn tập là giúp học sinh củng cố các nội dung được học trong chủ đề; nâng cao khả năng vận dụng kiến thức vào các hoạt động trải nghiệm, thực hành; đánh giá được kết quả học tập chủ đề của học sinh. Do đó, khi tổ chức hoạt động dạy học của bài ôn tập, giáo viên ưu tiên tổ chức cho học sinh được thảo luận theo cặp đôi, theo nhóm, thực hành các trò chơi, đóng vai xử lý tình huống,...

2.3.2. Bài soạn minh họa

BÀI 5. ÔN TẬP CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Củng cố và đánh giá được một số kiến thức, kĩ năng của chủ đề Gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Các hình trong bài 5 SGK;
- HS: SGK, VBT, ảnh hoặc tranh vẽ về gia đình họ hàng nội, ngoại.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 1

Hoạt động khởi động

* **Mục tiêu:** Tạo hứng thú và khơi gợi để học sinh nhớ lại những kiến thức đã học của chủ đề Gia đình.

* **Cách tiến hành:**

- GV tổ chức cho HS cùng đứng và nhún nhảy theo nhạc của một bài hát có nội dung về gia đình.
- GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: “Ôn tập chủ đề Gia đình”.

Hoạt động 1: Triển lãm tranh, ảnh

* **Mục tiêu:** HS củng cố, ôn tập kiến thức về những ngày kỉ niệm, sự kiện quan trọng của gia đình.

* **Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS quan sát hình trong SGK trang 23, nêu nội dung trong hình.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bộ sưu tập tranh, ảnh:
 - + Chuẩn bị tranh, ảnh những ngày kỉ niệm của gia đình.
 - + Trang trí ảnh chụp vào khung ảnh
 - + Ghi chú ngày kỉ niệm của gia đình.
- GV tổ chức cho HS triển lãm tranh ảnh.

* **Kết luận:** Mỗi gia đình đều có những ngày kỉ niệm riêng. Đó là những sự kiện có ý nghĩa quan trọng và khó quên đối với tất cả các thành viên trong gia đình.



Hoạt động 2: Giới thiệu về các thành viên trong gia đình họ nội, họ ngoại của em

*** Mục tiêu:** HS củng cố, ôn tập kiến thức về mối quan hệ họ hàng nội, họ ngoại của em.

*** Cách tiến hành:**

– GV yêu cầu HS quan sát sơ đồ trong SGK trang 23, nêu nội dung cần trình bày trong sơ đồ.

– HS thực hành làm sơ đồ giới thiệu về các thành viên trong gia đình họ nội, họ ngoại của em.

– GV yêu cầu HS trình bày.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

*** Kết luận:** Họ hàng nội, ngoại đều là những người thân của em. Em yêu quý, quan tâm những người họ hàng hai bên nội, ngoại của mình.

Hoạt động tiếp nối

GV yêu cầu HS về nhà giới thiệu sản phẩm với người thân trong gia đình, dán vào góc học tập ở nhà.

Tiết 2

Hoạt động khởi động

*** Mục tiêu:** Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết học trước.

*** Cách tiến hành:**

– GV tổ chức trò chơi: “Ai nhanh tay?”

– GV phổ biến luật chơi: GV sẽ chiếu nhanh hình ảnh các chất, vật dụng. HS quan sát và ghi nhanh tên các chất, vật dụng có thể gây cháy khi ở nhà.

– GV dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Chia sẻ những việc làm giúp phòng cháy khi ở nhà

*** Mục tiêu:** HS củng cố, ôn tập kiến thức về phòng tránh hỏa hoạn khi ở nhà.

*** Cách tiến hành:**

– GV yêu cầu HS quan sát các hình 1, 2, 3, 4 trong SGK trang 24, trả lời câu hỏi: Em và các thành viên trong gia đình đã làm những việc nào dưới đây để phòng cháy khi ở nhà?

Hình 1: Không cắm nhiều thiết bị điện chung một ổ cắm điện.

Hình 2: Khoá van bình ga sau khi đun nấu.

Hình 3: Không để dây điện gần bếp ga.

Hình 4: Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng.

– GV tổ chức cho HS chia sẻ thêm những việc em và gia đình đã làm để phòng cháy khi ở nhà.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

* **Kết luận:** Chúng ta cần cảnh giác và thực hiện thường xuyên những việc làm để phòng tránh hoả hoạn.

Hoạt động 2: Thực hành

* **Mục tiêu:** HS củng cố, ôn tập kiến thức về giữ vệ sinh xung quanh nhà.

* **Cách tiến hành:**

– GV chia lớp thành nhóm có 4 HS, yêu cầu HS quan sát hình trong SGK trang 24 và nêu nội dung các bước thực hiện:

+ Chuẩn bị: Một tranh vẽ hoặc ảnh chụp (về việc mọi người nơi em ở cùng nhau tham gia vệ sinh xung quanh nhà), bìa cứng, bút màu.

+ Thực hiện: Dán tranh, ảnh lên tờ bìa hoặc viết lại những hoạt động đã diễn ra.

+ Trang trí bản tin.

– Các nhóm thực hành làm bản tin khu dân cư. GV quan sát, hỗ trợ các nhóm.

– GV tổ chức cho các nhóm chia sẻ bản tin trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

* **Kết luận:** Tất cả người dân trong khu phố đều phải có nghĩa vụ và trách nhiệm giữ gìn vệ sinh xung quanh nơi ở. Việc giữ gìn vệ sinh xung quanh nhà góp phần xây dựng cảnh quan sạch, đẹp và bảo vệ môi trường.

Hoạt động tiếp nối

GV yêu cầu HS về nhà giới thiệu bản tin đến những người thân trong gia đình, người dân trong khu phố (nếu có thể) và cùng các thành viên trong gia đình thực hiện việc làm vệ sinh xung quanh khu phố.

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VINH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Giám đốc Công ty CP DVXBGD Gia Định TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung: NGÔ THỊ LINH PHƯƠNG

Biên tập mỹ thuật: BÙI XUÂN DƯƠNG

Thiết kế sách: BÙI XUÂN DƯƠNG

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in: NGÔ THỊ LINH PHƯƠNG

Chế bản tại: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Địa chỉ sách điện tử và tập huấn qua mạng:

– Sách điện tử: nxbgd.vn/sachdientu– Tập huấn online: nxbgd.vn/taphuan**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.**

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 3 –
BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

Mã số: ...

In.....bản, (.....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:..... địa chỉ

Cơ sở in:..... địa chỉ

Số ĐKXB: .../CXBIPH/ GD.

Số QĐXB: .../QĐ – GD – HN ngày ... tháng ... năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN:



TRẦN TRỌNG GIỚI THIỆU



Sách không bán